

Số: 044./2025/QĐ/TCT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin của Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4-CTCP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn có liên quan;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các văn bản sửa đổi/bổ sung;
- Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ 18 của Tổng Công ty Xây Dựng Thủy Lợi 4-CTCP được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Biên bản họp số 044./2025/BBH/TCT-HĐQT ngày 02/10./2025 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây Dựng Thủy Lợi 4-CTCP;
- Căn cứ yêu cầu quản lý, điều hành và tình hình thực tế.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Công bố thông tin của Tổng Công ty Xây Dựng Thủy Lợi 4-CTCP.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối, Trưởng/Phó Ban, các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- UBKT (để t/d);
- Lưu: HĐQT, VT TCT.



NGUYỄN ĐÌNH QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4-CTCP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 044/2025/QĐ/TCT-HĐQT
của Tổng Công ty Xây dựng Thủy Lợi 4-CTCP)*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Định nghĩa và chữ viết tắt	3
Điều 3. Người thực hiện công bố thông tin	4
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin	5
Điều 5. Phương tiện bố thông tin.....	5
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin.....	6
CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	7
Điều 7. Lưu đồ thực hiện	7
Điều 8. Các nội dung công bố thông tin	7
CHƯƠNG III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	8
Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan.....	8
Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin.....	8
Điều 11. Tổ chức thực hiện.....	8
Điều 12. Hiệu lực thi hành.....	9
PHỤ LỤC I. HƯỚNG DẪN CBTT CÁC KHỐI BAN LIÊN QUAN	10
PHỤ LỤC II. HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC.....	22

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam của Tổng Công ty. Đồng thời quy định việc phối hợp giữa các Khối/Ban, cá nhân thuộc Tổng Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.
2. Đối tượng áp dụng thực hiện công bố thông tin theo Quy chế này bao gồm:
 - a. Tổng Công ty (Người thực hiện công bố thông tin: Người đại diện theo pháp luật, Người được ủy quyền công bố thông tin; các bộ phận liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin gồm: Ban Tài chính – Kế toán, Ban Hành chính – Nhân sự thuộc Khối Hỗ trợ; Khối Giám sát; Người phụ trách quản trị Tổng Công ty; Thư ký Tổng Công ty và các đơn vị nghiệp vụ khác có liên quan);
 - b. Người nội bộ của Tổng Công ty và người có liên quan của Người nội bộ;
 - c. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty.
 - d. Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty.
 - e. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Tổng Công ty.
 - f. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty;
 - g. Cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 2. Định nghĩa và chữ viết tắt

1. Định nghĩa
 - a. **Quy chế:** là Quy chế công bố thông tin này.
 - b. **Tổng Công ty:** là Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP.
 - c. **Công bố thông tin hoặc “CBTT”:** là việc truyền thông/thông báo/công bố công khai đến công chúng đầu tư các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng Công ty theo quy định của Quy chế này và quy định pháp luật hiện hành. Thông tin được công bố trên các phương tiện báo cáo, phương tiện công bố theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và theo quy định pháp luật.
 - d. **Người nội bộ:** là người nội bộ của Tổng Công ty, bao gồm:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị;
 - Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán, thành viên Ủy ban Kiểm toán;
 - Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - Người đại diện theo pháp luật, Người được ủy quyền công bố thông tin;
 - Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty; và

- Các chức danh khác (nếu có) theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty tùy từng thời điểm.
- e. **Người có liên quan:** cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau thuộc các trường hợp được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
- f. **Người công bố thông tin:** là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin.
- g. **Ban điều hành:** bao gồm Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.
- h. **Đối với tài liệu dưới dạng văn bản:** Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:
 - Đối với văn bản của cá nhân: văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
 - Đối với văn bản của tổ chức: văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).
- i. **Dữ liệu điện tử:** là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

Các từ ngữ chưa được định nghĩa tại Quy chế này được hiểu và giải thích theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định nội bộ có liên quan của Tổng Công ty, quy định pháp luật tại từng thời kỳ.

2. Chữ viết tắt

UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK/HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
VSDC	: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
TTCKVN	: Thị trường Chứng khoán Việt Nam
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
CBTT	: Công bố thông tin
BCTC	: Báo cáo tài chính

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

Điều 3. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện CBTT là 01 (một) Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty hoặc 01 (một) cá nhân là người được ủy quyền CBTT theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.
2. Người được ủy quyền CBTT là người được Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty ủy quyền thực hiện công bố thông tin theo Quy chế này và pháp luật có liên quan.
3. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.

4. Tổng Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của Quy chế này và pháp luật hiện hành.
2. Việc công bố các thông tin cá nhân, tổ chức bao gồm: Căn cước công dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, mã số doanh nghiệp, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin nêu trên và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 (một) bản bao gồm đầy đủ thông tin của cá nhân, tổ chức và 01 (một) bản không bao gồm thông tin của cá nhân, tổ chức để UBCKNN và SGDCK thực hiện CBTT.
3. Ngôn ngữ CBTT là tiếng Việt và tiếng Anh (áp dụng với CBTT định kỳ từ ngày 01/01/2025, áp dụng bổ sung với CBTT bất thường, CBTT theo yêu cầu và CBTT về các hoạt động khác của Tổng Công ty kể từ ngày 01/01/2026). Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác nhau giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Đối tượng CBTT tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
5. Đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:
 - a. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử Tổng Công ty tối thiểu là 05 năm;
 - b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty tối thiểu là 05 năm.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, CBTT bao gồm:

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Tổng Công ty	Chuyên mục Quan hệ cổ đông trên trang

		thông tin điện tử (Website) Tổng Công ty.
2	UBCKNN	Hệ thống CBTT của UBCKNN.
3	SGDCK/HNX	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, phương tiện công bố thông tin khác theo quy chế của SGDCK/HNX.
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp.	Trang thông tin điện tử của VSDC, báo in, báo điện tử, ...

2. Website của Tổng Công ty phải tuân theo các quy định sau:
 - a. Tổng Công ty phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ website Tổng Công ty trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi thay đổi.
 - b. Website của Tổng Công ty phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế CBTT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động HĐQT, Ủy ban kiểm toán, Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.
 - c. Website của Tổng Công ty phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên website đó.
 - d. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Tổng Công ty thực hiện CBTT trên chuyên mục Quan hệ cổ đông trên website của Tổng Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
3. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK/HNX và cách thức gửi bản giấy (nếu cần thiết) đến UBCKNN, SGDC thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

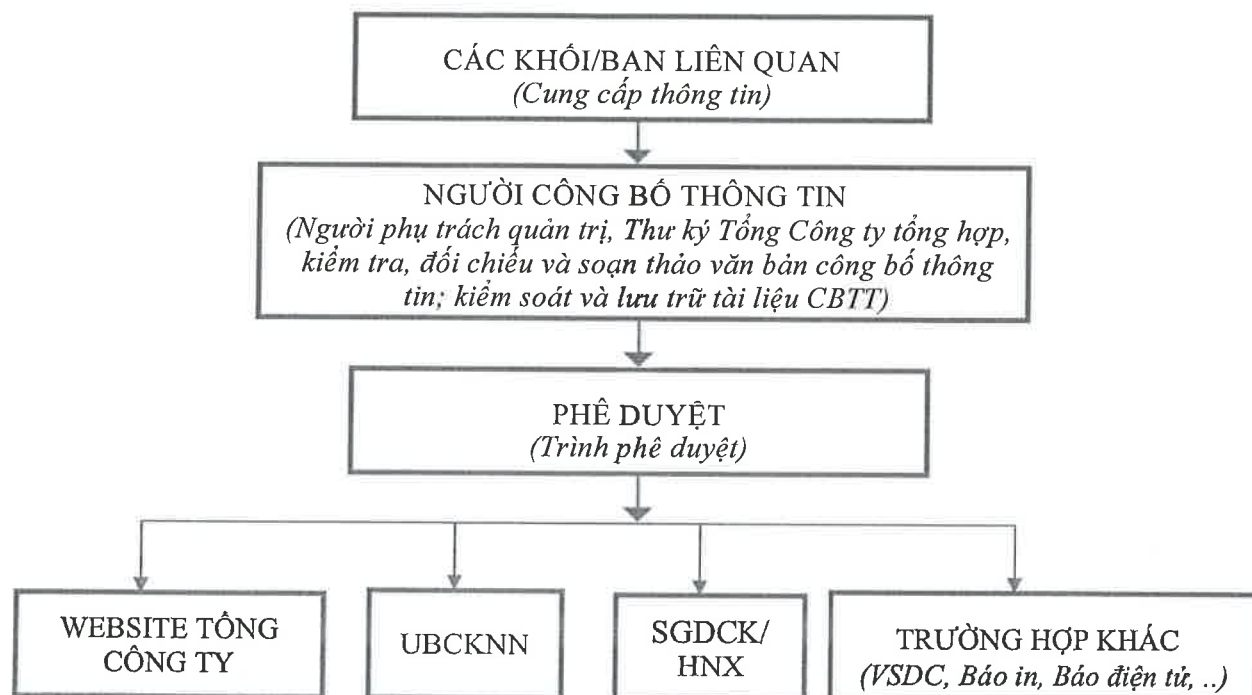
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Tổng Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Tổng Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Tổng Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

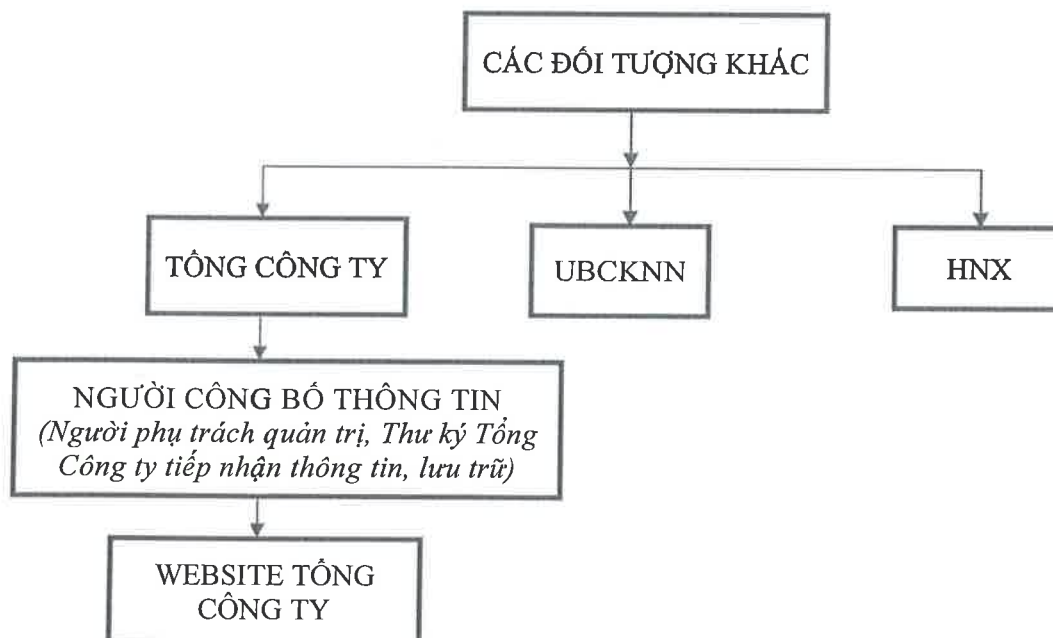
CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng các Khối/Ban liên quan theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 1 Quy chế này.



2. Áp dụng với các đối tượng khác (*)



(*) Đối tượng khác là đối tượng quy định tại điểm b, c, d, e Khoản 2 Điều 1 Quy chế này.

Điều 8. Các nội dung công bố thông tin

1. Các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 1 Quy chế này thực hiện CBTT theo quy định từng Phụ lục cụ thể trong Quy chế này:

- a. Ban Tài chính – Kế toán : Phụ lục 1.1
- b. Ban Hành chính – Nhân sự : Phụ lục 1.2
- c. Khối Giám sát : Phụ lục 1.3
- d. Người phụ trách quản trị Công ty : Phụ lục 1.4
- e. Thư ký Công ty : Phụ lục 1.5

2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 02 Quy chế này.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa Người CBTT và các phòng ban liên quan

1. Người CBTT chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ CBTT của Tổng Công ty với UBCKNN, SGĐCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng Công ty.
2. Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các Khối/Ban nghiệp vụ cung cấp thông tin theo nội dung Quy chế này. Người đứng đầu các Khối/Ban nghiệp vụ chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của thông tin cung cấp cho người CBTT.
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các Khối/Ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người CBTT trong vòng 12 (mười hai) giờ kể từ khi phát sinh sự kiện CBTT.
4. Các cá nhân, bộ phận có liên quan phải có trách nhiệm phối hợp với Người CBTT trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Tổng Công ty đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và lợi ích của Tổng Công ty.
5. Người CBTT phải giám sát việc CBTT và báo cáo cho HĐQT kết quả thực hiện.

Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định pháp luật gây thiệt hại cho Tổng Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bồi thường (nếu có) theo quy định của Tổng Công ty và quy định pháp luật.
2. Đối với vi phạm phát sinh từ người thực hiện công bố thông tin: việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của HĐQT.
3. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc Khối/Ban nghiệp vụ: việc xử lý vi phạm được thực hiện theo Nội quy lao động, quy định pháp luật hiện hành và thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Tổng Công ty công bố Quy chế công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.
2. Quy chế này được phổ biến đến các Khối/Ban nghiệp vụ và các cá nhân, đơn vị liên quan để thực

hiện.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 12 Điều, 03 Chương được HĐQT Tổng Công ty thống nhất thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền của HĐQT.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có những quy định của Điều lệ Tổng Công ty, pháp luật có liên quan đến việc CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ, pháp luật có liên quan đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh việc CBTT của những đối tượng có nghĩa vụ CBTT có liên quan của Tổng Công ty.
3. Các bộ phận có liên quan có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế này và các quy trình nghiệp vụ liên quan, đồng thời tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Quy chế này và báo cáo định kỳ theo yêu cầu của HĐQT.



NGUYỄN ĐÌNH QUYỀN

PHỤ LỤC 01
HƯỚNG DẪN CBTT CÁC KHỐI BAN LIÊN QUAN

PHỤ LỤC 1.1: BAN TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT
I. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
1	BCTC quý	- BCTC quý phải là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “BCTC giữa niên độ”. - Nội dung báo cáo: BCTC phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. - Tổng Công ty phải công bố 02 báo cáo: BCTC tổng hợp và BCTC hợp nhất. - Toàn văn BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Tổng Công ty trong trường hợp BCTC quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần. - Trường hợp đã thực hiện công bố BCTC quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của BCTC quý thì không phải thực hiện công bố BCTC quý.	Trong vòng 03 ngày làm việc trước thời hạn CBTT theo quy định.	- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. - Đối với BCTC quý đã được soát xét (nếu có): trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.
2	BCTC bán niên đã soát xét	- BCTC bán niên phải là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “BCTC giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Tổng Công ty. - Nội dung báo cáo: BCTC phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. - Tổng Công ty phải công bố 02 báo cáo: BCTC tổng hợp và BCTC hợp nhất. - Toàn văn BCTC bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Tổng Công ty trong trường hợp kết luận soát	Trong vòng 03 ngày làm việc trước thời hạn CBTT theo quy định.	Trong thời hạn 05 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

		xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.		
3	BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	- Tổng Công ty phải công bố 02 báo cáo: BCTC tổng hợp và BCTC hợp nhất. - Nội dung báo cáo: báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. - Tổng Công ty phải công bố thông tin về BCTC năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về BCTC đó và văn bản giải trình của Tổng Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần.	Trong vòng 03 ngày làm việc trước thời hạn CBTT theo quy định.	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 90 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
Lưu ý: Khi CBTT các BCTC nêu tại mục 1, 2, 3 nêu trên, Tổng Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp: - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.				
II. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG (lưu ý phải ghi rõ thông tin sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có))				
4	Tài khoản của Tổng Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.	X	Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
5	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
6	Thông báo doanh nghiệp		Ngay sau khi nhận được	Trong vòng 24 giờ kể từ

	kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.		thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	khi xảy ra sự kiện.
7	Ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
8	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có).		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
9	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
10	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Tổng Công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.		Ngay sau khi nhận được thông tin, Chậm nhất 01 ngày trước thời hạn CBTT theo quy định.	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

PHỤ LỤC 1.2: BAN HÀNH CHÍNH – NHÂN SỰ

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT
I. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG (<i>lưu ý phải ghi rõ thông tin sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)</i>)				
1	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
2	Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của Tổng Công ty được sửa đổi, bổ sung.	Gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi.	Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
3	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
4	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
5	Quyết định thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Tổng Công ty, con dấu của Tổng Công ty.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
6	Quyết định thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
7	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

8	Tổng Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ.	Nêu rõ thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, đồng thời gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC .	Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
---	--	---	--	--

PHỤ LỤC 1.3: KHỐI GIÁM SÁT

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT
I. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG (<i>lưu ý phải ghi rõ thông tin sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có)</i>)				
1	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
2	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
3	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Tổng Công ty.	Phối hợp với Thư ký Tổng Công ty, Người phụ trách quản trị để cập nhật danh sách người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Tổng Công ty.	Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
4	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Tổng Công ty căn cứ vào BCTC năm hợp nhất gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng hợp nhất gần nhất được soát xét.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
5	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Tổng Công ty, người nội bộ của Tổng Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tổng Công ty.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
6	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất	Trong vòng 24 giờ kể từ

	quan đến hoạt động của Tổng Công ty.		trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	khi xảy ra sự kiện.
7	Tổng Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
8	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
9	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tổng Công ty tại BCTC năm hợp nhất gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên hợp nhất gần nhất được soát xét.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
10	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

PHỤ LỤC 1.4: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT
I. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
1	Báo cáo thường niên.	Theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư 96/2020/TT-BTC . Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với BCTC năm đã được kiểm toán.	Chậm nhất 03 ngày trước thời hạn CBTT theo quy định.	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng đầu năm/năm.	Theo mẫu quy định tại Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC .	Chậm nhất 03 ngày trước thời hạn CBTT theo quy định.	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch/ 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.
3	Bản Cung cấp thông tin về quản trị công ty 06 tháng đầu năm/năm.	- 01 bản báo cáo; - 01 bản dữ liệu điện tử (định dạng Excel).	Chậm nhất 03 ngày trước thời hạn CBTT theo quy định.	Báo cáo SGDCK/HNX chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch/ chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.
4	CBTT về việc họp ĐHĐCĐ		Chậm nhất 03 ngày trước thời hạn CBTT theo quy định.	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ.
5	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.		Chậm nhất 03 ngày trước thời hạn CBTT theo quy định.	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
6	Tài liệu họp ĐHĐCĐ.		Chậm nhất 03 ngày trước thời hạn CBTT theo quy định.	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ.
7	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.		Chậm nhất 03 ngày trước thời hạn CBTT theo quy định.	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
8	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết		Chậm nhất 03 ngày trước thời	Tối thiểu 10 ngày trước

	ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết.		hạn CBTT theo quy định.	thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
II. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG <i>(lưu ý phải ghi rõ thông tin sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có))</i>				
8	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSDC, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu và các tài liệu liên quan (trừ trường hợp hợp ĐHĐCĐ)		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất 01 ngày trước thời hạn CBTT theo quy định.	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
9	Biên bản họp, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội.	Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc huỷ niêm yết, Tổng Công ty phải CBTT về việc huỷ niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi thông qua Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi thông qua Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
10	Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết của ĐHĐCĐ.	Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc huỷ niêm yết, Tổng Công ty phải CBTT về việc huỷ niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông.
11	Quyết định mua lại cổ phiếu của Tổng Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
12	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
13	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
14	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau: - Trường hợp Tổng Công ty phát		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

	hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Tổng Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Trường hợp Tổng Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Tổng Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; - Trường hợp Tổng Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Tổng Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Tổng Công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.			
15	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

PHỤ LỤC 1.5: THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT
I. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG <i>(lưu ý phải ghi rõ thông tin sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có))</i>				
1	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
2	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
3	Trường hợp Tổng Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Tổng Công ty, Tổng Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
4	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng Công ty.		Ngay sau khi nhận được thông tin, chậm nhất trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
5	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.		Trong vòng 12 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN/SGDCK.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN/SGDCK.
6	Có thông tin liên quan đến Tổng Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.		Trong vòng 12 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN/SGDCK.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN/SGDCK.

7	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.		Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký GDCK.	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký GDCK.
8	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.		Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư trên TTCKVN.	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư trên TTCKVN.
9	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.		Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.
10	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) của Tổng Công ty giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình.		CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán.	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán.



PHỤ LỤC 02

HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

I. CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CỔ ĐÔNG LỚN, NHÓM NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỞ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Tổng Công ty phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho Tổng Công ty, UBCKNN và SGDCK theo mẫu quy định tại **Phụ lục VII Thông tư 96/2020/TT-BTC** trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn của Tổng Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại **Phụ lục VIII Thông tư 96/2020/TT-BTC**.
3. Quy định tại Khoản 1, 2 nêu trên không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Tổng Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Tổng Công ty phát hành thêm cổ phiếu.
4. Tổng Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Mục này.

II. CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

1. Người nội bộ của Tổng Công ty và người có liên quan của các đối tượng này ("*người có liên quan*") phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Tổng Công ty, UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch) khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:
 - a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc, Người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại **Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV Thông tư 96/2020/TT-BTC**;
 - b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã CBTT và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;
 - c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT theo quy định tại Mục này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b Khoản 1 nêu trên và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;
 - d. Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; trừ trường hợp tại Điều 33.1.d Thông tư 96/2020/TT-BTC;

- e. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, Người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định **tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI Thông tư 96/2020/TT-BTC**;
 - f. Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Mục này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT tại Mục I Phụ lục 02 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với Người nội bộ và người có liên quan.
2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo Khoản 1 đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Mục I Phụ lục 02 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, CBTT theo quy định tại Mục I Phụ lục 02 Quy chế này.
 3. Quy định về nghĩa vụ CBTT tại điểm a, b và d Khoản 1 nêu trên không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là Người nội bộ của Tổng Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này.
 4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là Người nội bộ của Tổng Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định tại Khoản 1 nêu trên.
 5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Tổng Công ty, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK, Tổng Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.
 6. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của Tổng Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Tổng Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với Người nội bộ và người có liên quan.
 7. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của Người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Mục này, Tổng Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

III. CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CHÀO MUA CÔNG KHAI

Đối với trường hợp chào mua công khai của tổ chức/cá nhân, Công ty mục tiêu phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về chào mua công khai, cụ thể:

1. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai, Tổng Công ty có trách nhiệm CBTT về việc nhận được đề nghị chào mua công khai trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty, SGDCK.
2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai, HĐQT Tổng Công ty phải CBTT cho cổ đông, nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai; đồng thời báo cáo UBCKNN.

Đánh giá, khuyến nghị của HĐQT đối với việc chào mua công khai cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp một hoặc một số thành viên HĐQT có ý kiến khác, HĐQT phải công bố kèm theo các ý kiến này.